

Bản án số: 07 /2026/HNGĐ-PT.

Ngày: 27-3-2026

V/v Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Thẩm phán:

Ông Hà Quang Huy

Bà Nguyễn Thị Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuý Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Ông Lương Dương Tùng Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2026/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2026 về việc Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2026/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2026/QĐXX-HNGĐPT ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1994, nơi thường trú: P 418 CT B khu đô thị T, xã Ô, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Công B, sinh năm 1986, nơi thường trú: P 418 CT B khu đô thị T, xã Ô, thành phố Hà Nội. Nơi ở: xóm M, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Lê Công B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh B được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (nay là UBND xã P, tỉnh Thái Nguyên) ngày 21/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở gia đình nhà chồng tại xã P được khoảng 08 tháng, sau đó vợ chồng chuyển về Hà Nội sinh sống, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc một thời gian vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng mỗi người có lối sống riêng, anh B có hành vi đánh chị trước mặt con cái, vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng sống ly thân, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh B có 02 con chung là Lê Công H1, sinh ngày 29/01/2019 và Lê Công N, sinh ngày 24/03/2021, do vợ chồng mâu thuẫn nên vợ chồng có thỏa thuận về việc ly hôn cũng như thỏa thuận người nuôi con nên từ tháng 8 năm 2025 chị với cháu Lê Công H1 ở riêng đồng thời xin cho con học tại Trường tiểu học T2, Hà Nội. Đối với con thứ 2 là Lê Công N được anh B đưa về T cùng anh B và bà nội theo thỏa thuận. Tuy nhiên, anh B không thông báo gì mà đầu tháng 10/2025 anh B đã tự ý đón cháu H1 về T và chuyển trường cho con về học tại lớp 1C, Trường tiểu học P1, việc anh B không thông báo gì mà chuyển trường cho cháu H1 làm ảnh hưởng đến việc học và sinh hoạt của con nên khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1, còn anh B là người nuôi cháu N, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị có hỗ trợ kinh doanh và dạy học tại Trung tâm nên có mức thu nhập ổn định khoảng 20.000.000 đồng/ tháng và chị có nhà ở ổn định nên đảm bảo nhu cầu và cuộc sống của con.

Về tài sản chung: vợ chồng đã thỏa thuận, giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có

* *Ý kiến của anh Lê Công B:* Nhất trí trình bày của chị H về thời gian đăng ký kết hôn, anh xác định trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc có sứt mẻ, to tiếng, anh cảm thấy cũng có lỗi, có tát vợ nhưng chị H có phản kháng và đánh lại anh, tuy nhiên anh xác định không phải bạo lực gia đình. Trong quá trình chăm sóc con chị H không chăm con, khi chị H sinh con thứ 2 đều được các mẹ (bà nội hoặc bà ngoại) trông con, mặc dù vợ chồng có nợ nần tuy nhiên anh vẫn thuê người giúp việc gia đình để hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc con. Chị H không nấu ăn cho các con, thường xuyên cho con ăn bánh kẹo, hoa quả trước khi ăn cơm, không làm công việc nhà, hoặc khi nấu ăn thì không rửa dọn bát đĩa, do anh nhắc nhở nhiều lần nhưng chị H không làm nên anh mới cáu giận và tát chị H, giữa anh và chị H vẫn có quan hệ vợ chồng bình thường, thực tế từ khi chị H cầm số tiền 1.500.000.000 đồng của anh thì lúc đó mới không muốn gần gũi với anh cũng như có ý định viết đơn ly hôn, vợ chồng ly hôn làm cuộc sống của các con thiếu thốn tình cảm của cha, mẹ do đó anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh nhất trí trình bày của chị H, về việc vợ chồng có 02 con chung, trường hợp phải giải quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, vì chị H không đủ điều kiện nuôi con, chị H không chăm sóc con đảm bảo, ngoài không chăm con, bỏ đói con còn thường xuyên chửi bới các con. Hiện nay các con đều đang sinh sống cùng với anh vui vẻ, khỏe mạnh với trách nhiệm người làm bố, anh không lờ để người mẹ không biết nuôi dạy con nên anh không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: vợ chồng không có tài sản chung, tuy nhiên anh có số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) là tài sản riêng của anh nhưng chị H đang giữ, do đó anh yêu cầu chị H phải trả lại số tiền trên.

Về nợ chung: Năm 2020, khi mua nhà anh có vay tiền của người trong gia đình để mua nhà, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại anh đã trả hết các khoản nợ.

Với nội dung trên, tại bản án số 04/2026/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Thái Nguyên đã xét xử: **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Lê Công B.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Lê Công B có 02 (hai) con chung là Lê Công H1, sinh ngày 29/01/2019 và Lê Công N, sinh ngày 24/03/2021

2.1 Giao con chung Lê Công H1, sinh ngày 29/01/2019 cho chị Đỗ Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.2 Giao con chung Lê Công N, sinh ngày 24/03/2021 cho anh Lê Công B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Đỗ Thị H và anh Lê Công B có quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung, cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H và anh B mỗi người nuôi 01 con chung, các đương sự không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Giành quyền khởi kiện vụ kiện dân sự liên quan đến tài sản chung, tài sản riêng khác cho các đương sự, nếu có tranh chấp.

Ngày 06/02/2026 bị đơn anh Lê Công B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, anh B không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày các căn cứ kháng cáo.

Anh B xác định anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H, vợ chồng anh không ly thân, anh và chị H chưa bao giờ thoả thuận việc nuôi con chung, trong cuộc sống hàng ngày chị H lười biếng, không chăm sóc con, hay đi chơi và có biểu hiện quan hệ ngoài luồng với người khác nên mới làm đơn xin ly hôn anh, anh B không nhất trí ly hôn và đề nghị được đoàn tụ gia đình để cùng chị H chăm sóc con chung. Về tài sản: Giữa anh và chị H chưa giải quyết xong, anh B đề nghị chị H phải trả lại anh 1,5 tỷ đồng là tiền riêng của anh mà chị H đang quản lý. Về con chung: Hiện nay anh đang bị bệnh thận phải đi điều trị, anh B đề nghị giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B sẽ có trách nhiệm đóng toàn bộ

tiền học phí của các con hoặc cho anh nuôi dưỡng cả hai con chung nếu chị H trả lại anh số tiền 1,5 tỷ đồng.

Chị H không nhất trí toàn bộ kháng cáo của anh B. Chị H xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh B và đề nghị được ly hôn với anh B. Về con chung: Chị H xác định: Hiện nay chị H không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cả hai con chung. Anh B đề nghị giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không nhất trí. Về tài sản chung, giữa chị và anh B đã thoả thuận xong, tài sản riêng như anh B trình bày chị H xác định chị không quản lý tài sản riêng của anh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Công B. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2026/HNGĐ - ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên. Anh B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Công B làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”. Tuy nhiên, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, giữa chị và anh B không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã ly thân nhau, điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H, cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Lê Công B là có căn cứ và phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh B đề nghị giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc với lý do hiện nay anh đang bị bệnh không thể chăm sóc con được, tuy nhiên anh B không có tài liệu chứng minh về việc không có khả năng để nuôi con chung. Chị H xác định, hiện nay chị chưa có đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh B về nội dung này.

Về nội dung kháng cáo của anh B liên quan đến tài sản: Hội đồng xét xử thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh B không có đơn yêu cầu giải quyết phần tài sản chung, tài sản riêng. Về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh B.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của B không được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Công B.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2026/HNGĐ - ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thái Nguyên.

2. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Lê Công B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000582 ngày 06/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 4;
- THADS tỉnh Thái Nguyên ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Lê Thị Hồng Phương**